

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 3 – 2020

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn 3, P, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn 3, P, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh T, chị H (anh T xin vắng mặt, chị H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Đặng Thị H năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa anh và chị H không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi mặt. Chị H chủ động sống ly thân anh từ năm 2005 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/10/1996. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập chị H đến làm việc nhưng chị H vắng mặt không lý do.

Ngày 18/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã về làm việc với chính quyền địa phương xã L cho thấy: Năm 1995, anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Đặng Thị H tại thôn P, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn kinh tế thua lỗ không khắc phục được nên anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Khi vợ chồng còn chung sống, anh T ở rể, sống tại nhà, đất của bố mẹ chị H. Khi ly thân nhau, anh T về nhà bố mẹ mình để sống. Bố mẹ chị H đã chết, căn nhà của bố mẹ chị H có thêm chị ruột chị H là chị Đặng Thị H2 cùng con mới chuyển về đây sinh sống.

Tòa án đã cùng địa phương tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập chị H nhưng chị H đi làm vắng. Tòa án đã tổng đạt cho chị gái chị H là Đặng Thị H2 nhưng chị H2 từ chối nhận thay vì chị cho rằng việc ly thân giữa anh T, chị H đã kéo dài nhiều năm nay, chị H không có ý định hàn gắn hạnh phúc với anh T, anh T cứ ly hôn đơn phương, không cần đến sự có mặt của chị H. Chị H biết được việc anh T xin ly hôn vì Tòa án đã gửi giấy cho gia đình nhưng chị H không về. Do vậy, Tòa án cùng địa phương đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã L và tại gia đình chị Đặng Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị H có một con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/10/1996. Từ khi anh T, chị H sống ly thân thì cháu T ở với chị H. Cháu T nay đã trưởng thành, tự lập.

Các vấn đề trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H về phía địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, anh T có mặt, chị H vắng mặt. Anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Anh T có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Chị H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của anh T đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/10/1996, cháu T đã trưởng thành, tự lập nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

Các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do nguyên đơn anh Nguyễn Văn T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn chị Đặng Thị H có nơi cư trú tại thôn 3, P, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh, chị làm kinh tế bị thua lỗ không khắc phục được dẫn đến hai bên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị H. Về phía chị H, mặc dù chị biết việc anh T xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập thể tham gia tố tụng, thông báo đề hoà giải cho anh chị nhưng chị H vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ chị không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với anh T nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng chị H vẫn không có mặt, anh T có đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn chị H nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của anh T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/10/1996. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống anh, chị không ai đề nghị Toà án giải quyết về con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị H.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn Văn T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001282, ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh T và chị H được kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã L: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích